TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT Ngày 06-3-2023 V/v tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh P; sinh năm 1983; cư trú tại: đường K, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Vân A; sinh năm 1989; cư trú tại: Chung cư B đường P, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người kháng cáo:*

1. Ông Lê Minh P, là nguyên đơn trong vụ án.

2. Bà Phan Thị Vân A, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Minh P, trình bày: Ông và bà Phan Thị Vân A đã ly hôn theo phán quyết của Tòa án; khi ly hôn thì tài sản chung của ông và bà A chưa phân chia; nay ông xác định tài sản chung của ông và bà A bao gồm sau đây và ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật:

- Tiền mừng cưới nhà trai cho 17 chỉ vàng và nhà gái cho 13 chỉ vàng.

- Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà A mua sắm được 01 ti vi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 điều hòa hiệu Panasonic và 01 quạt cây hiệu Midea;

- Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Châu số tiền bà A vay riêng trước khi kết hôn từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2021 là 64.683.987 đồng;

Bị đơn bà Phan Thị Vân A, trình bày:

- Khi bà với ông P kết hôn thì nhà trai có cho 12,5 chỉ vàng 96%, nhưng số vàng này bà đã cùng với ông P đem đi bán để lấy tiền trả nợ riêng của ông P trước khi kết hôn với bà. Về phía nhà gái thì có cho tượng trưng 13 chỉ vàng, nhưng sau khi cưới đã lấy lại hết.

- Quá trình chung sống thì bà sử dụng tiền thai sản của bà để mua sắm 01 ti vi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 điều hòa hiệu Panasonic và 01 quạt cây hiệu Midea để phục vụ cho con lúc mới sinh;

- Về tiền trả nợ vay ngân hàng: Trước khi gặp ông P thì bà đã mua được 01 căn hộ (Phòng … chung cư B) với giá 351.829.000 đồng và phải vay một phần từ ngân hàng; nợ ngân hàng được trả dần hàng tháng khoảng 2,3 triệu đồng. Vì lý do đỡ mất phí chuyển tiền khác hệ thống ngân hàng, nên bà nói ông P chuyển thanh toán khoản nợ phải trả hàng tháng cho ngân hàng; đây là số tiền chi phí sinh hoạt mà ông đóng góp hàng tháng cho bà. Phần bà thì chịu trách nhiệm cho khoản chi phí sinh

hoạt trong gia đình vào khoảng 10 triệu đồng, bên cạnh đó có sự hỗ trợ của bà ngoại thêm 05 triệu đồng nên ông P hầu như không phải lo nghĩ gì đến kinh tế gia đình. Cho nên việc ông P cho rằng ông đóng góp vào việc trả nợ vay ngân hàng mua nhà giúp cho bà là hoàn toàn sai sự thật.

- Ngoài ra, trước và sau khi kết hôn, bà đã phải cho ông P mượn một khoản tiền lớn để ông P trả nợ thẻ tín dụng ngân hàng. Sau khi thanh toán hết khoản nợ trên, ông vẫn không chịu tu chí làm ăn để trả lại khoản tiền đó cho bà nuôi con. Không cần biết con cái, gia đình thiếu thốn gì, chỉ biết thỏa mãn các nhu cầu của bản thân. Hiện tại, ông P luôn tìm cách phá hoại, lăng mạ, xúc phạm từ bố mẹ bà làm mất danh dự gia đình bà cũng như bản thân của bà. Nhằm làm mất uy tín nơi bà đang công tác, làm cho bà mất việc làm và không có tài chính để nuôi con. Từ trước đến giờ, bà vẫn một mình chăm lo cho con chung mà không cần một sự giúp đỡ của ông P. Khoản tiền ông P chu cấp nuôi con hàng tháng sau khi ly hôn 1,2 triệu đồng, bà đã lập một tài khoản tiết kiệm để dành cho con khi lớn lên, bà hoàn toàn không đụng vào số tiền ấy.

- Ngày 07-7-2022, bà Phan Thị Vân A có đơn yêu cầu phản tố có nội dung:

+ Yêu cầu ông P trả cho bà tiền ở trong căn hộ chung cư B 70.000.000 đồng/ tháng từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2021 (2.000.000 đồng/ tháng/ 35 tháng).

+ Yêu cầu ông P hoàn trả lại số tiền 45.000.000 đồng mà bà đã cho ông P mượn để trả nợ thẻ tín dụng.

Chứng thư thẩm định giá số 260/2022/CT-VNA, ngày 10-8-2022 của Công ty cổ phần đầu tư và thẩm định giá VNA, kết luận về giá đối với 01 ti vi hiệu LG 43 inch 2018 là 4.300.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic 255 lít là 4.400.000 đồng; 01 điều hòa hiệu Panasonic 11,500 BTU/H là 4.400.000 đồng và 01 quạt hiệu Midea là 450.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 13.550.000 đồng. Ngoài ra, ông Lê Minh P và bà Phan Thị Vân A cùng thống nhất tự xác định trị giá của 30 chỉ vàng là 156.000.000 đồng và tiền ông P nộp vào tài khoản thanh toán nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh quận Hải Châu từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2021 là 64.683.987 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

- Căn cứ vào Điều 33, Điều 43 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" của ông Lê Minh P đối với bà Phan Thị Vân A,

- Tuyên xử:

1. Giao cho bà Phan Thị Vân A được quyền sở hữu, sử dụng 01 tivi LG; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 điều hòa Panasonic và 01 quạt Midea, có tổng giá trị 13.550.000 đồng. Bà A có nghĩa vụ thối trả lại cho ông P số tiền 6.775.000 đồng.

2. Xác định số tiền trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh quận Hải Châu thông qua tài khoản của bà Phan Thị Vân A mà ông Lê Minh P chuyển qua từ tháng 10/2018 đến tháng 4/2021 với tổng số tiền là 64.683.987 đồng là tài sản chung của vợ chồng. Nay chia cho ông Lê Minh P số tiền 32.341.993 đồng, chia cho bà Phan Thị Vân A số tiền 32.341.993 đồng. Bà A có nghĩa vụ thối trả lại giá trị chênh lệch tài sản chung cho ông P số tiền 32.341.993 đồng.

Tổng số tiền bà A có nghĩa vụ thối trả lại cho ông P là 39.116.993 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh P về việc chia tài sản chung là 03 cây vàng 98 có giá tại thời điểm xét xử là 156.000.000 đồng.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án, phí định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 05-10-2022, ông Lê Minh P nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử giải quyết:

- Trị giá căn hộ chung cư hiện tại so với lúc mua đã tăng thêm 01 tỷ đồng, nên ông P yêu cầu chia cho ông theo tỷ lệ phần trăm của số tiền ông đóng góp trả nợ cho ngân hàng; việc chỉ chia cho ông số tiền 32.341.993 đồng là ảnh hưởng đến quyền lợi trực tiếp của bản thân ông.

- Chia cho ông tài sản chung là 30 chỉ vàng tương đương 156.000.000 đồng.

Ngày 12-10-2022, bà Phan Thị Vân A nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử, giải quyết: Không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của bà và ông P là số tiền 64.683.987 đồng nộp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Minh P và bị đơn bà Phan Thị Vân A, đã thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Minh P về yêu cầu chia cho ông theo tỷ lệ phần trăm của số tiền ông đóng góp trả nợ cho ngân hàng tương ứng với giá trị tăng thêm của căn hộ chung cư là 01 tỷ đồng, thì thấy: Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Minh P yêu cầu chia số tiền 64.683.987 đồng mà ông đã nộp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong thời kỳ hôn nhân với bà Phan Thị Vân A thì ông P đã nộp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 64.683.987 đồng để thanh toán tiền nợ vay trước hôn nhân cho bà A, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền này là tài sản chung của ông P và bà A và chia đôi cho ông P và bà A là đúng với quy định tại Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, kháng cáo yêu cầu chia cho ông theo tỷ lệ phần trăm của số tiền ông đóng góp trả nợ cho ngân hàng tương ứng với giá trị tăng thêm của căn hộ chung cư là 01 tỷ đồng là chưa được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên không có căn cứ để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Do đó kháng cáo về nội dung này của ông P là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông P về yêu cầu chia tài sản chung là 30 chỉ vàng tương đương 156.000.000 đồng cho ông, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì bà A cho rằng khi cưới gia đình nhà gái chỉ trao tượng trưng 13 chỉ vàng và đã lấy lại ngay sau lễ cưới; còn về phía nhà trai cho 12,5 chỉ vàng 96%, nhưng số vàng này đã dùng trả nợ trước hôn nhân cho ông P hết, do đó toàn bộ số vàng nói trên là không còn, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông P về chia số tài sản 30 chỉ vàng tương đương 156.000.000 đồng là đúng với quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình. Kháng cáo của ông P là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Vân A về không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của bà và ông P là số tiền 64.683.987 đồng nộp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, thì thấy: Như đã phân tích ở trên thì trong thời kỳ hôn nhân ông Lê Minh P đã nộp vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền 64.683.987 đồng để thanh toán tiền nợ vay trước hôn nhân cho bà A, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền này là tài sản chung của ông P và bà A là đúng với quy định tại Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên kháng cáo của bà A về nội dung này là không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Như vậy xác định được trong thời kỳ hôn nhân thì ông P và bà A có tài sản chung là 01 tivi LG; 01 tủ lạnh Panasonic; 01 điều hòa Panasonic; 01 quạt Midea, trị giá 13.550.000 đồng và 64.683.987 đồng tiền nộp thanh toán nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; tổng trị giá tài sản chung là 78.233.987. Xử giao hiện vật cho bà A và bà A được ngân hàng khấu trừ 64.683.987 đồng vào khoản nợ riêng nên bà A phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông P 39.116.993 đồng.

[6] Xét về quyết định án phí của Tòa án cấp sơ thẩm, thì thấy: Trong vụ án này ông P có tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 30 chỉ vàng tương đương số tiền 156.000.000 đồng, nhưng yêu cầu này không được Tòa án chấp nhận.

Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì đương sự chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia trong khối tài sản chung; đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Việc Tòa án sơ thẩm buộc ông P phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản mà ông yêu cầu là không đúng quy định nói trên, nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo ông Lê Minh P và bà Phan Thị Vân A không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về án phí dân sự sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh P và không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Vân A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh P;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Vân A.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về án phí.

Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về chia tài sản:

Giao cho bà Phan Thị Vân A được sở hữu 01 ti vi hiệu LG; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 điều hòa hiệu Panasonic và 01 quạt hiệu Midea (hiện bà A đang giữ, quản lý).

Bà Phan Thị Vân A có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh P số tiền được chia là 39.116.993 đồng (ba mươi chín triệu, một trăm mười sáu nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lê Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.955.849 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0003270 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng; ông P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.544.151 đồng (một triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi mốt đồng).

Bà Phan Thị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.955.849 đồng (một triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ông Lê Minh P không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006437 ngày 10-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Bà Phan Thị Vân A không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà A 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên

lai số 0006458 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND quận S;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hà Nam